TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2026
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa** và ông **Nguyễn Đức Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thành Đạt** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1985;

Căn cước số: 001085011291;

Nơi ĐK thường trú: thôn Lương Xá, xã QB, TP HN.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị Tuyết L**, sinh năm 1981;

Căn cước C dân số: 017181006611

Nơi cư trú: tổ 13, phường HB, tỉnh Phú Thọ (phường Đồng Tiến, TP HB, tỉnh HB cũ);

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2025, bản tự khai, phiên họp kiểm tra tiếp cận C khai chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, TP HN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2022 ngày 19/9/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, mâu thuẫn giữa anh C và con riêng chị L nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay, chị L chuyển về nhà đẻ ở HB sinh sống. Chị L tự viết đơn ly hôn đưa cho anh C, tuy nhiên vì chị L không cư trú tại Chương Mỹ HN nên anh C đã làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án khu

vực 12 – Phú Thọ giải quyết. Trước khi nộp đơn xin ly hôn, anh C đã gọi điện trao đổi với chị L, chị L đồng ý ly hôn nhưng không về giải quyết. Anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc ai nấy làm, cuộc sống không hạnh phúc nên xin ly hôn chị L.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, C sức đóng góp; nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với Bị đơn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu giao nộp cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

3. Tòa án đã xác minh tại gia đình, địa phương về việc cư trú và tình trạng hôn nhân của chị L: Xác nhận chị L có hộ khẩu thường trú tại tổ 13 phường HB, tỉnh Phú Thọ (phường Đồng Tiến, TP HB, tỉnh HB cũ). Chị L đi lấy chồng là anh Nguyễn Thành C ở Chương Mỹ, HN và sinh sống ở đó. Sau một thời gian thì quay về gia đình nói là mâu thuẫn với chồng không thể chung sống nên chuyển về HB. Chị L có nói trước khi về HB đã viết đơn để lại cho chồng để anh C tự giải quyết ly hôn, giữa hai bên không có con chung, không có tài sản C nợ chung, không rằng buộc gì nhau nên để anh C giải quyết ly hôn theo quy định. Khi về HB, chị L cũng thường xuyên đi làm ăn xa, không nói với gia đình, địa phương làm gì, ở đâu, thỉnh thoảng vẫn gọi điện và về thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị L đều đã được thông báo cho chị L biết.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho anh C được ly hôn chị L; hai bên không có con không, không có tài sản C nợ chung; anh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn có

nơi cư trú tại phường HB do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ theo Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 14/4/2026 chị L vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 23/4/2026 mở lại phiên tòa, chị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm (b) khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành C và chị Vũ Thị Tuyết L đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, TP HN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2022 ngày 19/9/2022, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của Nguyên đơn và kết quả xác minh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị L do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên đã hòa giải hàn để gắn nhưng không có kết quả. Gia đình đã thông báo cho chị L về việc giải quyết ly hôn nhưng chị L không có ý kiến, quan điểm mà có thái độ bỏ mặc hôn nhân. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị L cố tình vắng mặt điều đó thể hiện bị đơn không còn mong muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh C, chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh C và chị L không có con chung.

2.3 Về tài sản chung, C sức đóng góp, nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn không có ý kiến quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000Đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

2.6. Đề nghị của kiểm sát viên phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành C được ly hôn chị Vũ Thị Tuyết L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, C sức đóng góp, nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành C phải nộp 300.000Đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000Đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000986 ngày 03/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thùy Linh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ (P7);
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS khu vực 12 – Phú Thọ;
- UBND xã QB, TP HN
(Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2022 ngày 19/9/2022 tại UBND xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, TP HN);
- Các đương sự;